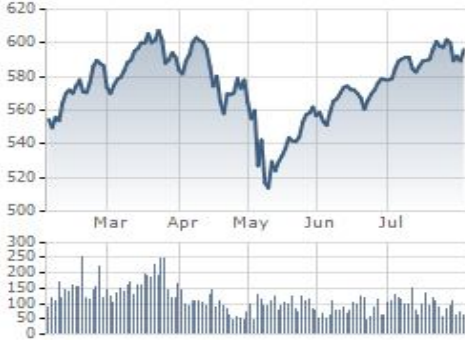


HOSE 01/08/2014

VNINDEX	593.90	-2.17	-0.36%
KLGD	65,130,297	CP	
GTGD	1,293.10	Tỷ	
GTR NDTNN	26.75	Tỷ	

CP Tăng giá	84	CP
CP Giảm giá	124	CP
CP Đứng giá	96	CP



Tâm điểm

- ▶ **Giao dịch giằng co, 2 sàn đóng cửa phiên cuối tuần giảm điểm nhẹ**
- ▶ **Thanh khoản thị trường vẫn chưa có nhiều biến động**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,700 tỷ đồng
- ▶ **ANZ: Đa số người Việt kỳ vọng nền kinh tế có chuyển biến tốt**
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam trong tháng 7 tăng mạnh lên 134.1
Hải Quan
- ▶ **Chỉ số PMI tháng 6 giảm tháng thứ 3 liên tiếp xuống còn 51.7 điểm**
Đây là mức thấp nhất trong 4 tháng qua
Trí Thức Trẻ
- ▶ **Lạm phát Eurozone xuống thấp nhất 5 năm**
Lạm phát của khu vực đồng euro đã giảm xuống 0.4% trong tháng
DVO/Bloomberg
- ▶ **PVE: Lãi sau thuế gần 9 tỷ đồng trong quý 2**
Với kết quả này, PVE mới chỉ hoàn thành được 28% kế hoạch LNST năm 2014
DVO
- ▶ **HVG : Lợi nhuận quý 2/2014 giảm 42% cùng kỳ năm trước**
Lũy kế 6 tháng, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 171 tỷ đồng, giảm 21%
Trí Thức Trẻ

HNX 01/8/2014

HNXINDEX	79.01	-0.25	-0.31%
KLGD	41,044,537	CP	
GTGD	456.59	Tỷ	
GTR NDTNN	-	5.41	Tỷ

CP Tăng giá	67	CP
CP Giảm giá	106	CP
CP Đứng giá	206	CP



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,057,636	14.5	3.2	22.7%	11.5%
HNX	137,729	19.6	1.6	8.6%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,195,365	15.3	3.1	21.8%	10.8%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,801	6.9	1.0	15.3%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,341	7.7	1.7	23.7%	17.4%
Thép và sản phẩm thép	36,219	19.4	2.1	17.5%	7.1%
Khai khoáng	12,582	48.5	4.9	3.2%	2.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,376	22.4	1.5	17.0%	8.9%
Xây dựng	34,010	-	63.7	1.3	0.2%
Máy công nghiệp	9,236	8.0	1.5	19.4%	13.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,703	12.0	1.6	17.3%	12.7%
Lốp xe	7,316	9.1	2.5	30.0%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,413	15.1	1.3	11.1%	5.3%
Thực phẩm	214,629	24.0	5.6	24.5%	18.4%
Dược phẩm	16,507	13.4	3.5	26.7%	17.3%
Phần mềm	19,721	12.2	2.7	23.6%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,650	7.9	1.3	18.2%	8.8%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	185,749	14.3	5.2	39.8%	25.1%
Bảo hiểm nhân thọ	29,805	26.2	2.5	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	29,484	27.5	1.7	7.1%	5.2%
Ngân hàng	264,607	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	149,230	13.6	2.7	29.7%	6.4%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	39,018	10.1	2.1	21.7%	8.3%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	635.01	-2.03	-0.32%
HNX30	157.72	-0.69	-0.44%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

ANZ: Đa số người Việt kỳ vọng nền kinh tế có chuyển biến tốt

Chỉ số PMI tháng 6 giảm tháng thứ 3 liên tiếp xuống còn 51.7 điểm

Lạm phát Eurozone xuống thấp nhất 5 năm

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

PVE: Lãi sau thuế gần 9 tỷ đồng trong quý 2

HVG : Lợi nhuận quý 2/2014 giảm 42% cùng kỳ năm trước

VLF: Quý 2/2014 lỗ, 6 tháng vẫn hoàn thành 85% kế hoạch lãi cả năm 2014

► Tin kinh tế

Ngân hàng ANZ vừa công bố số liệu về Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam của ANZ-Roy Morgan trong tháng 7. Theo đó, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam trong tháng 7 tăng mạnh lên 134.1 và hiện đang bỏ xa mức trung bình năm 2014 (trung bình 2014 là 130). Chuyên gia kinh tế trưởng ANZ Châu Á – Thái Bình Dương, Glenn Maguire cho rằng: “Cùng với những cải thiện đều đặn của nền kinh tế vĩ mô, niềm tin người tiêu dùng Việt Nam dường như cũng đã tăng trở lại sau lần gián đoạn ngắn do xảy ra tranh chấp vùng biển giữa Trung Quốc và Việt Nam”.

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) phối hợp cùng với công ty Markit Economics vừa công bố Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất tại Việt Nam trong tháng 7/2014. PMI điều chỉnh theo mùa tháng 7 đã giảm từ mức 52.3 điểm trong tháng 6 xuống còn 51.7 điểm trong tháng 7. Đây là mức thấp nhất trong 4 tháng qua. Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam trong tháng 7 tiếp tục tăng tháng thứ 10, mặc dù vậy tốc độ mở rộng sản xuất tăng chậm lại. Đơn hàng mới tiếp tục tăng cao, nhưng các doanh nghiệp lưu ý rằng số lượng doanh nghiệp mới tăng yếu hơn trong khi việc giữ chân nhân viên gặp nhiều khó khăn khiến cho tổng sản lượng sản xuất trong tháng qua không thể tăng mạnh hơn.

Cơ quan thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat) cho biết, lạm phát của khu vực đồng euro đã giảm xuống 0.4% trong tháng 7 so với 0.5% của tháng trước đó. Lạm phát của khu vực duy trì dưới 1% liên tục trong 10 tháng qua. Tháng 6, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã ra quyết định cắt giảm hàng loạt lãi suất điều hành chủ chốt trong nỗ lực hỗ trợ sự phục hồi mong manh và giải quyết tình trạng lạm phát thấp đang diễn ra tại khu vực. Lạm phát chậm lại trong khi rủi ro địa chính trị toàn cầu gia tăng khiến nền kinh tế khu vực đồng euro càng dễ bị tổn thương.

► Tin doanh nghiệp

Theo thông tin từ Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (HNX: PVE), doanh thu quý 2/2014 của PVE đạt 158 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ 2013. PVE cho biết chi phí cho việc thuê chuyên gia trong quý này giảm. Chính vì thế, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần trong quý giảm so với cùng kỳ nên lợi nhuận sau thuế quý II tăng 1.4 lần, đạt 8.7 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu công ty đạt 259 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 9.4 tỷ đồng. Hai chỉ tiêu này lần lượt đạt 40% và 28% kế hoạch 2014. So với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, tỉ lệ tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong kế hoạch 2014 lần lượt là 16% và 220%.

CTCP Hùng Vương (HOSE: HVG) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2014. Cụ thể, trong quý 2, doanh thu thuần của HVG đạt mức 3,681 tỷ đồng, tăng 40% nhưng giá vốn cũng tăng 46% khiến lãi gộp chỉ còn 214 tỷ đồng, giảm 12%. Tỷ suất lãi gộp biên cũng giảm từ mức 9.3% của cùng kỳ xuống còn 5.8%. Kỳ này HVG ghi nhận gần 50 tỷ đồng lợi nhuận từ hoạt động tài chính, gấp gần 4 lần cùng kỳ chủ yếu nhờ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con. Mặc dù HVG cắt giảm chi phí bán hàng xuống 15% nhưng chi phí quản lý lại đội lên tới 79% so với cùng kỳ. Thêm vào đó, khoản lãi từ liên doanh liên kết cũng lao dốc xuống còn 16 tỷ đồng, tức giảm 53%. Theo đó, quý 2 HVG lãi ròng 106 tỷ đồng, tuy nhiên sau khi chia 42 tỷ cho cổ đông thiểu số (tăng gấp đôi cùng kỳ) thì HVG chỉ ghi nhận lợi nhuận cổ đông công ty mẹ vốn vẹn 64 tỷ đồng, giảm 42% so cùng kỳ.

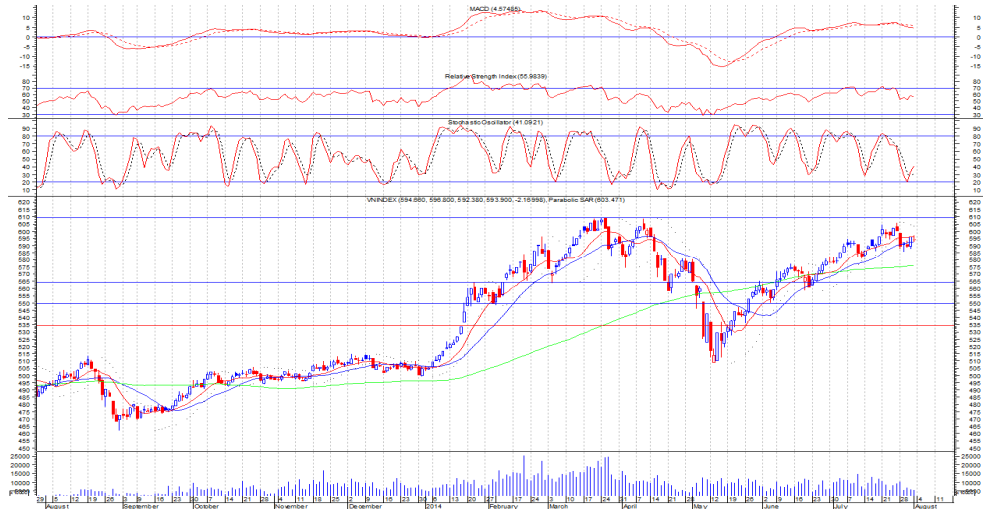
CTCP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (HOSE: VLF) vừa công bố BCTC quý 2/2014 hợp nhất. Theo đó, trong quý 2, lỗ sau thuế của công ty là hơn 1 tỷ đồng. Do trong quý 1/2014 công ty nhận được tiền hỗ trợ lãi suất đợt mua tạm trữ theo chỉ đạo của chính phủ vụ hè thu 2013 là 1.8 tỷ đồng với việc bán được kho xí nghiệp nông sản với giá trị 14.9 tỷ đồng đã góp phần giúp công ty thoát lỗ và đạt mức lợi nhuận sau thuế là 4.2 tỷ đồng nên mặc dù lỗ trong quý 2 nhưng lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, VLF vẫn lãi ròng 3.23 tỷ đồng. Với mục tiêu đạt 5 tỷ đồng LNTT, kết thúc nửa đầu năm 2014, công ty đã hoàn thành được 85.36% kế hoạch.

HOSE 01/08/2014 VNINDEX 593.90 -2.17 -0.36% 65,130,297 CP 1,293.10 bil VND

Giao dịch giằng co, 2 sàn đóng cửa phiên cuối tuần giảm điểm nhẹ

VN-Index giảm 2.17 điểm (-0.36%), đóng cửa tại mức 593.90 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, giảm điểm nhẹ.

- MACD dừng đà giảm và có dấu hiệu đi ngang trở lại, vẫn chưa cho tín hiệu mua trở lại.
- Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua vẫn chưa thể gia tăng mạnh.
- MA10, MA20 đi ngang, MA20 thực sự là ngưỡng hỗ trợ tốt trong mỗi lần chỉ số VN-Index điều chỉnh.
- RSI (14) sụt giảm nhẹ và vẫn ở mức cân bằng 55.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.5%)	19,305,750
SAM	0.2 (1.9%)	6,725,260
HQC	-0.2 (-2.5%)	4,379,730
VIC	1.5 (2.0%)	4,186,770
TTF	0.3 (2.9%)	2,561,530

HOSE Top 5 theo % tăng

CCI	0.8 (6.8%)	600
VCF	11 (6.6%)	17,900
TIE	1 (6.6%)	85,890
HLG	0.3 (6.5%)	20
PIT	0.6 (6.3%)	29,480

HOSE Top 5 theo % giảm

HDC	-1.4 (-6.9%)	1,240
SGT	-0.3 (-6.0%)	10
TV1	-0.8 (-6.0%)	8,490
PDN	-2.3 (-5.1%)	2,540
DRH	-0.2 (-4.9%)	65,960

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

BVH	10,6 tỷ	248,330
GAS	6,8 tỷ	60,500
PPC	3,2 tỷ	146,390
HSG	3,0 tỷ	70,490
VCB	2,6 tỷ	101,880

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DPM	-7,1 tỷ	236,880
FLC	-2,4 tỷ	186,620
CSM	-2,0 tỷ	47,430
HPG	-1,6 tỷ	28,800
KDC	-1,2 tỷ	20,220

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	611,940	26.75

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch tương đối chậm rãi phiên hôm nay, sự cân bằng và giằng co mạnh là điều dễ nhận thấy. VN-Index đóng cửa giảm điểm nhẹ sau phiên tích cực hôm qua.
- ▶ KLGD tiếp tục sụt giảm và đạt 60 triệu đơn vị. Việc khối lượng sụt giảm một phần do sự sụt giảm KLGD ở mã FLC, hơn nữa nhìn chung NĐT vẫn đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại 26,75 tỷ trong phiên hôm nay. Khối này mua nhiều ở BVH, GAS. Bán nhiều ở DPM và FLC.
- ▶ TT đang tìm điểm cân bằng tại mặt bằng giá hiện tại. Nhiều khả năng vẫn chưa có nhiều những diễn biến mới trong những phiên sắp tới.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua dần các mã có kết quả kinh doanh tốt và đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ. Hạn chế mua đuổi giá và các mã chưa điều chỉnh nhiều.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	111.0	210,345.00	14.6	5.4	40.6%	25.7%
VNM	833.5	135.0	112,518.05	18.2	6.8	39.6%	30.7%
VIC	908.8	75.5	68,611.58	9.3	4.3	54.2%	10.3%
MSN	734.9	88.5	65,039.65	152.7	5.0	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	25.8	59,789.36	16.5	1.7	10.4%	1.0%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	9.1	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	15.3	43,011.40	10.7	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	42.5	28,920.04	26.2	2.5	9.4%	2.3%
PVD	275.3	94.0	25,874.26	11.7	2.4	22.4%	9.3%
HPG	419.1	56.5	23,676.47	12.0	2.5	22.2%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

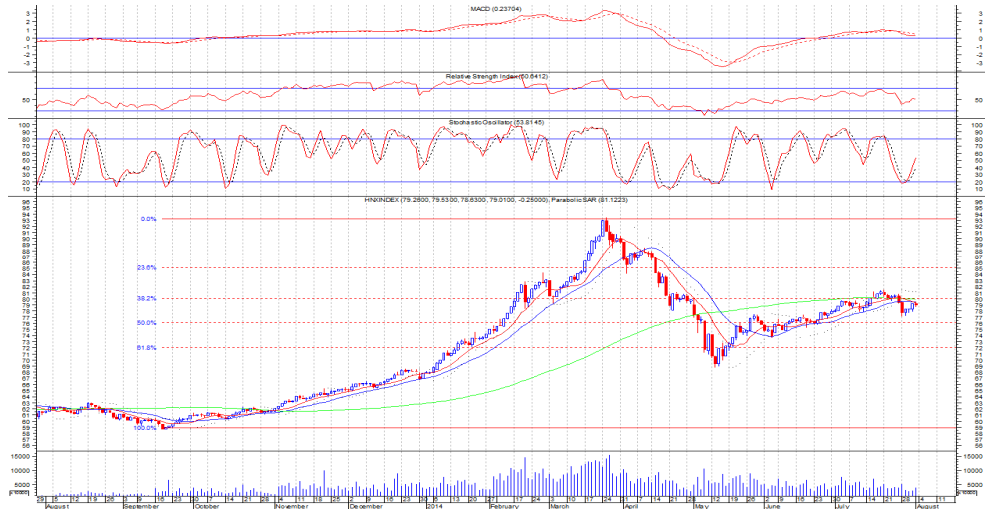
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.3	3,093.58	15.6	1.3	NA	TH.DOI
FPT	275.1	49.8	13,700.95	12.0	2.7	NA	TH.DOI
CII	112.9	21.0	2,370.09	37.8	2.0	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	10.0	2.5	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	4.7	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.2	502.50	2.4	1.0	NA	TH.DOI

HNX 01/08/2014 HNX-Index 79.01 -0.25 -0.31% 41,044,537 CP 456.59 bil. VND

Giao dịch giằng co, 2 sàn đóng cửa phiên cuối tuần giảm điểm nhẹ

Chỉ số HNX-Index giảm 0.25 điểm (-0.31%), đóng cửa tại mốc 79.01 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân ngắn, chỉ số này giảm điểm nhẹ

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục tăng mạnh.
- MACD dừng đà giảm và đi ngang trở lại, vẫn chưa cho tín hiệu mua.
- RSI (14) sụt giảm nhẹ và ở mức tương đối cân bằng 50..
- Áp lực điều chỉnh sẽ giảm dần đối với chỉ số HNX-Index. Tuy nhiên, đà tăng có lẽ sẽ không quá mạnh.



HNX Top 5 theo KLGD

Code	Change (%)	Volume
PVX	0.2 (4.7%)	14,461,980
PVS	0 (0.0%)	2,880,830
SHB	-0.1 (-1.1%)	2,289,010
KLS	-0.3 (-2.7%)	2,082,700
PVC	0.8 (3.8%)	1,736,120

HNX Top 5 theo % tăng

Code	Change (%)	Volume
CCM	1.3 (10.0%)	200
SIC	0.7 (10.0%)	2,200
PSD	4.5 (9.9%)	60,410
BLF	0.5 (9.6%)	28,100
SAP	1.2 (9.5%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

Code	Change (%)	Volume
BDB	-0.7 (-10.0%)	100
HAT	-4.4 (-9.9%)	200
SMT	-2.3 (-9.8%)	100
VE1	-0.4 (-9.8%)	5,600
SDG	-2.4 (-9.6%)	500

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Code	Volume (tỷ)	Value (tỷ)
LAS	5,6	160,000
PVC	1,6	74,000
PGS	0,3	10,400
VDS	0,3	44,900
CSC	0,2	25,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Code	Volume (tỷ)	Value (tỷ)
PVS	9,3	275,900
KLS	4,4	399,400
TCT	0,8	7,000
ACB	0,2	12,800
VCG	0,2	15,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-291,300	5.41

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch tương đối chậm rãi phiên hôm nay, sự cân bằng và giằng co mạnh là điều dễ nhận thấy. HNX-Index đóng cửa giảm điểm nhẹ sau phiên tích cực hôm qua.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 39 triệu đơn vị. Khối lượng gia tăng phần nhiều do tác động của PVX, tâm lý chung của NĐT vẫn đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 5,41 tỷ trong phiên hôm nay. Khối này mua nhiều ở LAS, PVC, trong khi bán nhiều ở PVS, KLS.
- ▶ TT đang tìm điểm cân bằng tại mặt bằng giá hiện tại. Nhiều khả năng vẫn chưa có nhiều những diễn biến mới trong những phiên sắp tới.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua dần các mã có kết quả kinh doanh tốt và đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ. Hạn chế mua đuổi giá và các mã chưa điều chỉnh nhiều.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	33.5	14,964.46	8.1	1.6	21.6%	7.0%
ACB	921.5	15.4	14,191.34	19.0	1.3	6.6%	0.5%
SQC	110.0	80.0	8,800.00	313.7	6.5	-2.0%	-1.7%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	11.6	1.0	8.6%	0.7%
VCG	441.7	12.9	5,698.07	14.1	1.2	9.1%	1.9%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	30.1	2.4	7.6%	3.4%
PVI	225.4	20.1	4,530.82	13.5	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	35.4	2,755.25	8.1	2.6	34.3%	16.1%
NTP	43.3	51.3	2,223.24	10.8	2.6	24.8%	16.7%
NVB	297.7	6.9	2,053.92	104.9	0.6	0.6%	0.1%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.2	1,261.60	7.5	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.3	362.34	8.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.2	1,473.43	15.3	1.6	NA	TH.DOI
NTP	43.3	51.3	2,223.24	10.8	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	22.1	1,105.00	11.8	1.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.0	307.12	7.0	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	13.73%	88.5	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VIC	HOSE	908.8	68,611.58	13.68%	75.5	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
HPG	HOSE	419.1	23,676.47	13.62%	56.5	12.01	2.47	978,155	1,214,328	800,449
PVD	HOSE	275.3	25,874.26	9.64%	94.0	11.68	2.43	495,279	670,865	506,766
HAG	HOSE	718.2	18,312.94	8.07%	25.5	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
STB	HOSE	1,142.5	22,393.23	7.65%	19.6	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
VCB	HOSE	2,317.4	59,789.36	6.07%	25.8	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	5.32%	29.8	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
ITA	HOSE	718.1	5,529.18	3.07%	7.7	72.19	0.93	10,970,239	12,967,628	10,878,038
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	2.45%	42.5	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
KBC	HOSE	289.8	2,984.53	2.33%	10.3	51.96	0.93	1,087,301	1,680,526	1,535,472
HSG	HOSE	96.3	4,122.20	2.28%	42.8	9.19	2.21	232,931	273,766	339,018
GMD	HOSE	114.4	3,913.22	1.97%	34.2	19.92	0.86	220,153	478,245	489,673
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.58%	14.6	17.90	1.37	872,368	1,384,872	1,219,817
PPC	HOSE	318.2	6,999.40	1.47%	22.0	4.49	1.36	722,877	1,314,680	1,285,920
CSM	HOSE	67.3	2,839.72	1.45%	42.2	8.04	2.37	478,531	807,759	817,008
DRC	HOSE	83.1	4,278.30	1.34%	51.5	10.22	2.78	476,220	510,915	466,964
HVG	HOSE	120.0	2,844.00	1.24%	23.7	12.76	1.36	618,320	746,608	650,264
PVT	HOSE	232.6	3,093.58	1.16%	13.3	15.55	1.32	1,182,001	2,496,556	2,594,915
DIG	HOSE	143.0	2,173.53	1.06%	15.2	48.59	1.11	773,049	1,025,734	967,890
OGC	HOSE	300.0	3,210.00	0.82%	10.7	69.88	1.21	3,298,594	4,737,005	3,335,967

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,393.23	7.67%	19.6	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	7.43%	88.5	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VCB	HOSE	2,317.4	59,789.36	7.31%	25.8	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
VIC	HOSE	908.8	68,611.58	6.29%	75.5	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	5.63%	29.8	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	5.63%	42.5	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
PVS	HNX	446.7	14,964.46	5.50%	33.5	8.06	1.61	2,792,598	4,139,252	3,029,036
PVD	HOSE	275.3	25,874.26	3.79%	94.0	11.68	2.43	495,279	670,865	506,766
ITA	HOSE	718.1	5,529.18	3.48%	7.7	72.19	0.93	10,970,239	12,967,628	10,878,038
SHB	HNX	886.1	7,708.93	3.36%	8.7	11.58	0.95	8,016,074	12,512,393	9,930,134
HAG	HOSE	718.2	18,312.94	3.27%	25.5	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
VCG	HNX	441.7	5,698.07	3.21%	12.9	14.07	1.24	2,407,943	4,123,647	3,993,495
OGC	HOSE	300.0	3,210.00	2.07%	10.7	69.88	1.21	3,298,594	4,737,005	3,335,967
DRC	HOSE	83.1	4,278.30	1.52%	51.5	10.22	2.78	476,220	510,915	466,964
GMD	HOSE	114.4	3,913.22	1.49%	34.2	19.92	0.86	220,153	478,245	489,673
PPC	HOSE	318.2	6,999.40	1.32%	22.0	4.49	1.36	722,877	1,314,680	1,285,920
PVT	HOSE	232.6	3,093.58	1.16%	13.3	15.55	1.32	1,182,001	2,496,556	2,594,915
PVX	HNX	400.0	1,800.00	0.00%	4.5	- 1.53	2.29	9,321,255	12,084,771	11,051,811

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	68,611.58	0.00%	75.5	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	0.00%	88.5	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	0.00%	29.8	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
HAG	HOSE	718.2	18,312.94	0.00%	25.5	21.91	1.58	3,336,289	4,744,298	4,710,524
VCB	HOSE	2,317.4	59,789.36	0.00%	25.8	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
STB	HOSE	1,142.5	22,393.23	0.00%	19.6	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	0.00%	42.5	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	9.13	1.14	839,590	1,191,494	1,245,087
GAS	HOSE	1,895.0	210,345.00	0.00%	111.0	14.57	5.37	470,774	356,114	461,652

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	0.88%	88.5	152.67	4.99	202,286	680,301	415,111
VIC	HOSE	908.8	68,611.58	0.56%	75.5	9.32	4.33	624,612	679,216	394,202
STB	HOSE	1,142.5	22,393.23	0.31%	19.6	9.81	1.30	660,778	1,341,799	1,045,870
VCB	HOSE	2,317.4	59,789.36	0.24%	25.8	16.48	1.69	813,078	1,031,022	1,081,322
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	0.15%	29.8	7.09	1.63	2,177,608	1,555,880	1,081,908
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	0.08%	42.5	26.20	2.46	444,149	577,292	585,682

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,801	6.9	1.0	15.3%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,341	7.7	1.7	23.7%	17.4%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,078	33.7	0.9	1.9%	1.5%
Sản xuất giấy	878	9.8	0.8	10.2%	5.1%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,219	19.4	2.1	17.5%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,046	4.9	0.9	19.0%	4.0%
Khai khoáng	12,582	48.5	4.9	3.2%	2.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,376	22.4	1.5	17.0%	8.9%
Xây dựng	34,010	-	63.7	1.3	0.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,489	8.2	1.3	18.6%	9.8%
Công nghiệp phức hợp	472	5.1	1.0	20.4%	14.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,746	10.6	1.0	8.6%	4.6%
Thiết bị điện	1,800	-	16.6	0.7	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	23.4	0.6	2.7%	1.8%
Máy công nghiệp	9,236	8.0	1.5	19.4%	13.1%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,627	-	2.9	1.0	4.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,703	12.0	1.6	17.3%	12.7%
Dịch vụ vận tải	5,339	10.5	1.5	15.8%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,290	14.6	1.4	9.0%	2.0%
Đào tạo & Việc làm	247	36.3	0.7	3.7%	1.7%
Nhà cung cấp thiết bị	202	9.2	0.8	10.2%	4.4%
Chất thải & Môi trường	138	2.1	0.8	33.5%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,114	24.4	1.7	13.5%	8.3%
Lốp xe	7,316	9.1	2.5	30.0%	13.7%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,509	7.7	1.2	15.7%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	252	11.0	1.8	18.3%	13.5%
Đồ uống & giải khát	266	7.3	1.3	15.1%	10.0%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,413	15.1	1.3	11.1%	5.3%
Thực phẩm	214,629	24.0	5.6	24.5%	18.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	60	118.2	0.8	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,348	8.4	1.0	13.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	158	4.0	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,158	8.8	1.6	17.3%	7.0%
Giày dép	7	-	1.0	0.4	-33.3%
Hàng cá nhân	5,203	10.7	1.8	17.2%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	709	-	4.1	1.1	-6.9%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	932	21.5	1.0	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	135	3.1	1.6	32.6%	12.6%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	156	10.0	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,507	13.4	3.5	26.7%	17.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	477	64.6	1.5	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	684	12.5	1.1	12.1%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,582	9.6	1.7	20.2%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,095	8.9	1.0	13.2%	8.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,790	29.9	2.4	7.2%	3.4%
Dịch vụ giải trí	2,263	16.7	1.4	13.5%	11.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,230	26.4	2.4	16.5%	14.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	640	20.5	0.8	3.7%	1.3%
Internet	311	65.6	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,721	12.2	2.7	23.6%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	396	13.5	0.6	4.4%	1.7%
Thiết bị văn phòng	259	5.2	1.0	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,348	14.5	0.7	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,650	7.9	1.3	18.2%	8.8%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	185,749	14.3	5.2	39.8%	25.1%
Nước	1,207	6.3	1.1	17.2%	11.6%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,294	10.7	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,028	12.4	0.8	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	3,015	10.0	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	29,805	26.2	2.5	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,870	69.9	1.2	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	29,484	27.5	1.7	7.1%	5.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	264,607	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	149,230	13.6	2.7	29.7%	6.4%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	203.1	0.5	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	39,018	10.1	2.1	21.7%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.